

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HS-ST
Ngày 19-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm

Ông Lê Thành Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Anh T, sinh năm 1974 tại Thái Bình;
Nơi cư trú: Tổ 1, phường VP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn) 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Anh Đ và bà Trần Thị H; Chưa có vợ, có con Phạm Lê H1 – sinh năm 1999; Tiền án: 04 (Ngày 31/5/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích theo Bản án số 34/2002/HSPT; Ngày 17/11/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 153/2005/HSST; Ngày 21/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 96/2012/HSST; Ngày 20/5/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 31/2020/HSST); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/7/2009 bị Công an thành phố Thái Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 10/QĐ, ngày 30/6/2010 bị Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 1534/QĐ; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2021 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 27/12/2021, bị cáo T gọi điện thoại cho một đối tượng

không rõ nhân thân, lai lịch mua 300.000 đồng ma túy để sử dụng. Đến 08 giờ 30 phút cùng ngày, đối tượng đó gọi điện cho bị cáo T và cho biết “hàng” để trong bao thuốc lá hiệu Jet đã ném vào sân phòng trọ của T. T ra kiểm tra và thấy có ma túy nên cất vào túi quần trước bên phải, ngay lúc này lực lượng Công an phường Phước Bình đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của bị cáo T 01 bao thuốc lá Jet bên trong có 01 gói nylon dạng khóa miết kích thước (5x8,5)cm bên trong có 02 đoạn ống hút nhựa được hàn kín 02 đầu chứa chất tổng hợp dạng đá được cuộn trong tờ giấy ăn màu trắng. Ngoài ra, Công an phường Phước Bình còn thu giữ 02 túi nylon dạng khóa miết kích thước (5x8,5)cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng trong phòng ngủ tại phòng trọ của bị cáo T.

Theo kết luận giám định số 341/2021/GĐ-MT ngày 30/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng có trong 02 đoạn ống nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,1463 gam và tinh thể màu trắng có trong 02 túi nylon miệng khóa miết được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1,0434 gam.

Ngày 30/12/2021, Phạm Anh T bị khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 26/CTr-VKS ngày 12/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Phạm Anh T về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, bởi các bản án trước không xác định tình tiết Tái phạm nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp Tái phạm; bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm, nhân thân rất xấu, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 32, 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và xử phạt bị cáo T từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì dán kín, có chữ ký các bên có liên quan và đóng dấu mộc đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long là 0,0871gam.

- Bị cáo T tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và kết luận giám định trong quá trình điều tra, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 27/12/2021, bị cáo T đã có hành vi cất giữ trái phép 0,1463 gam ma túy loại Methamphetamine trong túi quần phía trước bên phải của mình nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong quá trình điều tra, xác minh xác định bị cáo T có 04 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể: Ngày 31/5/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích theo Bản án số 34/2002/HSPT; Ngày 17/11/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 153/2005/HSST; Ngày 21/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 96/2012/HSST; Ngày 20/5/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 31/2020/HSST. Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù của các bản án này, riêng tại bản án vào năm 2002 có tuyên phần trách nhiệm dân sự của bị cáo nhưng cho đến nay bị cáo vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường và không thuộc trường hợp đình chỉ thi hành án nên bản án năm 2002 không thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự, dẫn đến thời hạn được xóa án tích của các bản án được tuyên sau đó vào các năm 2005, 2012 sẽ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt... của bản án mới (bản án năm 2020) theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật hình sự. Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp Tái phạm nguy hiểm và đây là tình tiết định khung hình phạt thuộc khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tuyên bị cáo phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và xác định khung hình phạt theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; nhân thân xấu; Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì dán kín, có chữ ký các bên có liên quan và đóng dấu mộc đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long là 0,0871gam.

[6] Đối với hành vi tàng trữ số ma túy 1,0434 tại phòng trọ của bị cáo T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã tách ra xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với hành vi này. Tuy nhiên, trong hồ sơ không có quyết định tách vụ án và Tòa án đã yêu cầu bổ sung nhưng đến nay vẫn không cung cấp nên Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long cần ban hành quyết định tách vụ án theo quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự nhằm không bỏ lọt tội phạm và có cơ sở để phục hồi điều tra khi xác định được bị can đối với hành vi tàng trữ số ma túy thu giữ được tại phòng trọ của nhà trọ Thuận Lợi thuộc khu phố Phước An, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát về khung hình phạt đối với bị cáo là không phù hợp với quy định pháp luật, không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử như đã nhận định tại đoạn 2 phần [2] phía trên, do đó không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự; Khoản 1, khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2021.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì dán kín, có chữ ký các bên có liên quan và đóng dấu mộc đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long là 0,0871gam. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2022).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/8/2022).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CQ CSĐT Công an Tx. Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Vân

